

Số: 16 /BC-PTR

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

Kính gửi: Cục trưởng Trần Quang Bảo

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm nhận được Văn bản đề nghị số 388/KHLN-KH ngày 13/6/2025 của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp (có hồ sơ kèm theo). Sau khi xem xét hồ sơ và kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, Phòng Phát triển rừng báo cáo Cục trưởng như sau:

1. Căn cứ pháp lý để công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;
- Quyết định số 138/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm;
- Quyết định số 83/QĐ-TCLN-PTR ngày 24/3/2022 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8754:2023: Giống cây lâm nghiệp - Yêu cầu đối với giống mới để được công nhận.

2. Nguồn gốc giống, địa điểm, thời gian và đơn vị khảo nghiệm

Các giống Bần không cánh do Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam khảo nghiệm và đề nghị công nhận thông qua Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng Bần không cánh (Sonneratia apetala Buch.-Ham.) góp phần phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng cửa sông, ven biển Việt Nam*”.

- Các giống Bần không cánh đề nghị công nhận: công nhận 02 xuất xứ Bần không cánh gồm xuất xứ Hải Nam (Trung Quốc) và xuất xứ Tanintharyi (Myanmar) là giống mới.
- Địa điểm khảo nghiệm: xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ cũ: xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình).
- Đơn vị khảo nghiệm: Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng thuộc

Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

- Thiết kế khảo nghiệm theo khối ngẫu nhiên đầy đủ lặp lại 4 lần, mỗi lần lặp 49 cây cho 1 xuất xứ và bố trí trồng thành 7 hàng (7 cây/hàng), mật độ trồng 2.000 cây/ha, cự ly 2 m x 2,5 m, diện tích cần cho khảo nghiệm xuất xứ là 0,8 ha.

3. Nội dung và kết quả thẩm định

3.1. Quá trình thẩm định

- Thành lập Hội đồng thẩm định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp theo Quyết định số 152/QĐ-LNKL ngày 19/6/2025 của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

- Tổ chức kiểm tra, thẩm định và đánh giá giống tại hiện trường khảo nghiệm ngày 01/7/2025 tại xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ cũ: xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình).

(Có biên bản kiểm tra, đánh giá hiện trường kèm theo).

- Tổ chức họp Hội đồng đánh giá ngày 24/7/2025.

3.2. Nội dung thẩm định

Căn cứ Luật Lâm nghiệp, Thông tư số 22/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng và Tiêu chuẩn quốc gia về giống mới được công nhận. Hội đồng tiến hành thẩm định các nội dung sau:

- Số giống đưa vào khảo nghiệm.
- Nguồn gốc, xuất xứ của giống đưa vào khảo nghiệm.
- Bố trí khảo nghiệm.
- Địa điểm và thời gian khảo nghiệm giống.
- Kết quả đánh giá khảo nghiệm về năng suất, chất lượng cây.
- Độ vượt về năng suất của giống đề nghị công nhận so với giống đối chứng hoặc các giống cùng loài đã được công nhận.
- Năng suất, chất lượng cây của giống hiện có tại các địa điểm khảo nghiệm.
- Tình hình sâu, bệnh hại.

3.3. Kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng

a) Đánh giá chung

- Công trình được thực hiện nghiêm túc, các thí nghiệm được bố trí phù hợp và đáp ứng yêu cầu so với tiêu chuẩn khảo nghiệm giống. Các chỉ tiêu đánh giá được đo đếm, đánh giá, phân tích tốt, kết quả đã khẳng định các giống đề nghị công nhận có đủ điều để đưa vào sản xuất.

- Các giống đưa vào khảo nghiệm có nguồn gốc rõ ràng.

- Báo cáo viết gọn, đầy đủ, rõ ràng. Khảo nghiệm được bố trí đủ lần lặp; số liệu được thu thập và xử lý nghiêm túc theo các phần mềm tiên tiến. Các chỉ tiêu đánh giá đầy đủ, phương pháp đo đếm hợp lý, số liệu đủ độ tin cậy.

- Các giống khảo nghiệm đạt trên 7 năm tuổi, đạt tiêu chuẩn công nhận giống.

- Các giống đề nghị công nhận hầu hết có ưu thế rõ ràng so với các giống trung bình khảo nghiệm hoặc đối chứng là giống trồng đại trà tại địa phương.

b) Đánh giá cụ thể:

* Xuất xứ: **Hải Nam:**

- Tỷ lệ sống 80,1%

- Sinh trưởng:

+ Đường kính gốc (D_{00}) đạt 22,9 cm.

+ Chiều cao vút ngọn (H_{vn}) đạt 11,1 m.

+ Chiều cao dưới cành (H_{dc}) đạt 0,44 m.

+ Đường kính tán (D_t) đạt 3,99 m

+ Tăng trưởng đường kính gốc (ΔD_{00}) đạt 3,27 cm/năm

+ Tăng trưởng chiều cao vút ngọn (ΔH) đạt 1,59 m/năm

- Chất lượng: Cây có tán rậm cân đối.

- Khả năng chống chịu: Chống chịu tốt với thời tiết lạnh rét và gió bão; chưa phát hiện bệnh hại, tỉ lệ sâu hại ở mức thấp, đạt yêu cầu theo TCVN 8754:2023.

* Xuất xứ: **Tanintharyi:**

- Tỷ lệ sống 80,6%

- Sinh trưởng:

+ Đường kính gốc (D_{00}) đạt 22,6cm

+ Chiều cao vút ngọn (H_{vn}) đạt 10,9m

+ Chiều cao dưới cành (H_{dc}) đạt 0,47m

+ Đường kính tán (D_t) đạt 3,91m

+ Tăng trưởng đường kính gốc (ΔD_{00}) đạt 3,23 cm/năm

+ Tăng trưởng chiều cao vút ngọn (ΔH) đạt 1,56 m/năm

- Chất lượng: Cây có tán rậm cân đối.

- Khả năng chống chịu: Chống chịu tốt với thời tiết lạnh rét và gió bão; chưa phát hiện bệnh hại, tỉ lệ sâu hại ở mức thấp, đạt yêu cầu theo TCVN 8754:2023.

c) Kết luận: Đủ điều kiện công nhận giống đối với: xuất xứ Hải Nam và xuất xứ Tanintharyi cho vùng: xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ cũ: xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.

3.4. Giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định

Đến ngày 29/7/2025, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; nhóm tác giả khảo nghiệm giống đã bổ sung, chỉnh sửa các nội dung theo đề nghị của Hội đồng (văn bản số 559/KHLN-KH ngày 29/7/2025 về việc đề nghị công bố giống cây trồng lâm nghiệp), gồm:

- Đã chỉnh sửa tên Báo cáo thành “Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống cây Bần không cánh” theo hướng dẫn tại Thông tư 22/2021/TT-BNNPTNT.
- Đã bổ sung thông tin tọa độ địa lý của khu vực lấy giống các xuất xứ tại mục 2.2 (trang 6-7).
- Đã bổ sung điều kiện lập địa tại khu vực lấy giống 2 xuất xứ thứ sinh Tiên Hải và Giao Thủy, tuy nhiên các xuất xứ thứ sinh nhập từ Trung Quốc và nguyên sinh từ Myanmar chỉ có tọa độ địa lý, không có thông tin về điều kiện lập địa nơi lấy giống.
- Đã đánh giá mức độ phù hợp và biên độ sinh thái trong phân bố của loài cũng như khả năng mở rộng gây trồng loài cây này tại mục 2.2 (trang 6-7).
- Đã ghi tên các xuất xứ thành xuất xứ thứ sinh cho xuất xứ Tiên Hải và xuất xứ Giao Thủy (trang 6, 14-16, 20).
- Đã bổ sung thêm kết quả phân tích đa dạng di truyền của 6 xuất xứ Bần không cánh được thực hiện ở giai đoạn 1 tại phần kết quả (trang 19).
- Đã bổ sung thêm bảng 3.5 đánh giá khả năng phòng hộ (trang 18-19).
- Đã bổ sung tại mục 2.2. (trang 6) vật liệu nghiên cứu: bổ sung một phần bản dịch liên quan đến nguồn gốc của các xuất xứ.
- Đã chỉnh sửa lại các lỗi đánh máy, sắp xếp thứ tự các xuất xứ tại bảng 3.1 giảm dần theo D_{00} (trang 15), đơn vị tính, cách viết đơn vị trong báo cáo.

4. Đề nghị

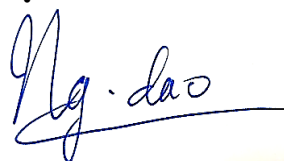
Phòng Phát triển rừng kính đề nghị Cục trưởng xem xét, công nhận giống cây trồng lâm nghiệp cho 02 giống Bần không cánh đối với: xuất xứ Hải Nam và xuất xứ Tanintharyi cho vùng: Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ cũ: xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.

Phòng Phát triển rừng trân trọng báo cáo, kính trình Cục trưởng xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện KHLN;
- Lưu: VT, PTR.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG**



Đoàn Ngọc Dao

Bảng số liệu kiểm tra hiện trường Khảo nghiệm giống Bần không cánh tại xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ cũ: xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình)

STT	Tên Giống	Chỉ tiêu đánh giá									
		Sinh trưởng trung bình lặp 1		Sinh trưởng trung bình lặp 2		Sinh trưởng trung bình lặp 3		Sinh trưởng trung bình lặp 4		Sinh trưởng trung bình khảo nghiệm	
		D ₀₀	TLS	D ₀₀	TLS	D ₀₀	TLS	D ₀₀	TLS	D ₀₀	TLS
1	HN (Xuất xứ thứ sinh Hải Nam - Trung Quốc)	22,3	87,8	23,2	67,3	22,6	87,8	23,7	77,6	22,9	80,1
2	MY1 (Xuất xứ nguyên sinh tỉnh Tanintharyi - Myanmar)	22,6	85,7	22,2	79,6	22,3	85,7	23,1	71,4	22,6	80,6
3	Đối chứng	TLS 65%; D ₀₀ 18,5 cm; H _{vn} 9,5m; H _{cc} 0,55m; D _t 3,4m									